

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÒA THÀNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1002 /UBND

Hòa Thành, ngày 09 tháng 10 năm 2019

Về việc công khai tình hình thực hiện  
dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2019

Kính gửi:

- Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh
- Sở Tài chính Tây Ninh
- Văn phòng huyện ủy
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện
- Viện kiểm sát nhân dân huyện
- Tòa án nhân dân huyện
- Cơ quan của các đoàn thể ở huyện
- Ủy ban Nhân dân các xã, thị trấn

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2614/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của UBND huyện Hòa Thành về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2019 trên địa bàn huyện Hòa Thành;

Ủy ban Nhân dân huyện Hòa Thành công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2019, cụ thể như sau:

1. Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện 9 tháng đầu năm 2019.

+ Cân đối ngân sách huyện (Biểu số 93/CK-NSNN)

+ Thực hiện thu ngân sách nhà nước (Biểu số 94/CK-NSNN)

+ Thực hiện chi ngân sách huyện (Biểu số 95/CK-NSNN)

2. Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2019.

Trên đây là công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Hòa Thành. *[Chữ ký]*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP HĐND-UBND huyện.  
(Đưa lên cổng thông tin điện tử huyện)

**Q. CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Vân**

Số: 320 /BC-UBND

Hòa Thành, ngày 09 tháng 10 năm 2019

**BÁO CÁO THUYẾT MINH  
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH HUYỆN  
9 THÁNG ĐẦU NĂM 2019**

**I.Thu ngân sách: (Biểu số 94/CK-NSNN)**

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn (thu nội địa) lũy kế đến ngày 30/9/2019 là 216.201 triệu đồng, đạt 83,15 % dự toán, so cùng kỳ tăng 15,25 %, cụ thể như sau:

**\*Có 01/07 khoản thu đạt trên 100 % so dự toán gồm:**

+ Các khoản thu về nhà đất: 37.434 triệu đồng, đạt 134,65 % dự toán.

**\*Có 04/07 khoản thu đạt trên 75 % so dự toán gồm:**

+ Thuế thu nhập cá nhân: 23,130 triệu đồng, đạt 85,67 % dự toán.

+ Thu khác tại xã: 2.877 triệu đồng, đạt 84,62 % dự toán.

+ Lệ phí trước bạ: 53.039 triệu đồng, đạt 79,16 % dự toán.

+ Thu khác ngân sách: 6.658 triệu đồng, đạt 78,33 % dự toán.

**\*Có 02/07 khoản thu đạt dưới 75 % so dự toán gồm:**

+ Thu phí, lệ phí: 4.157 triệu đồng, đạt 71,67 % dự toán.

+ Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: 88.906 triệu đồng, đạt 73,78% dự toán.

**II.Chi ngân sách: (Biểu số 93/CK-NSNN, Biểu số 95/CK-NSNN)**

Tổng chi ngân sách huyện, xã 9 tháng đầu năm 2019 là 350.809 triệu đồng, đạt 84,93 % dự toán, so cùng kỳ giảm 2,20 %. Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: 91.488 triệu đồng

2. Chi thường xuyên: 250.506 triệu đồng, đạt 69,74 % so dự toán, 9 tháng đầu năm 2019, ngân sách địa phương đảm bảo nguồn chi các hoạt động thường xuyên, chi lương, phụ cấp, các khoản đóng góp theo chế độ; đảm bảo trợ cấp cho các đối tượng chính sách xã hội và các khoản chi thiết yếu khác theo dự toán được giao.

- Chi sự nghiệp giáo dục-đào tạo và dạy nghề: 143.293 triệu đồng, đạt 69,81 % so dự toán.

- Chi đảm bảo xã hội: 19.358 triệu đồng, đạt 75,65 % so dự toán, nguyên nhân do tính bổ sung kinh phí trợ cấp tết cho cán bộ công chức và thăm hỏi các gia đình chính sách, trợ cấp cho đối tượng bảo trợ xã hội, hỗ trợ tiền điện cho hộ chính sách, hộ nghèo và hộ cận nghèo.

- Chi quốc phòng-an ninh: 16.181 triệu đồng, đạt 81,71 % so dự toán.

- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: 1.621 triệu đồng, đạt 66,52 % so dự toán.

- Chi phát thanh, truyền hình: 350 triệu đồng, đạt 61,40 % so dự toán.

- Chi sự nghiệp thể thao: 447 triệu đồng, đạt 62,34 % so dự toán.

- Chi sự nghiệp môi trường: 10.308 triệu đồng, đạt 64,67 % so dự toán.

- Chi sự nghiệp kinh tế: 9.744 triệu đồng, đạt 38,76 % so dự toán.

- Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể: 43.243 triệu đồng, đạt 73,94 % so dự toán.

- Chi khác: 2.651 triệu đồng, đạt 163,54 % so dự toán.

Trên đây là báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện Hòa Thành.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- Sở Tài chính Tây Ninh;
- Văn phòng huyện ủy;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Cơ quan của các đoàn thể ở huyện;
- Ủy ban Nhân dân các xã, thị trấn;
- Lưu VP HĐND-UBND huyện.

**Q. CHỦ TỊCH**



**Lê Hồng Vân**

## CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2019	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>260.000</b>	<b>216.201</b>	<b>83,15</b>	<b>137,28</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>260.000</b>	<b>216.201</b>	<b>83,15</b>	<b>177,55</b>
1	Thu nội địa	260.000	216.201	83,15	177,55
2	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển</b>				
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>413.070</b>	<b>350.809</b>	<b>84,93</b>	<b>161,86</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách huyện</b>	<b>413.070</b>	<b>341.994</b>	<b>82,79</b>	<b>157,80</b>
1	Chi đầu tư phát triển	45.090	91.488	202,90	135,08
2	Chi thường xuyên	359.210	250.506	69,74	168,12
3	Dự phòng ngân sách	7.780		0,00	
4	Tạo nguồn cải cách tiền lương	990		0,00	
5	Chi hoàn trả ngân sách cấp trên				
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>		<b>8.815</b>		


## THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2019	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	I	2	3=2/I	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>260.000</b>	<b>216.201</b>	<b>83,15</b>	<b>115,25</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>260.000</b>	<b>216.201</b>	<b>83,15</b>	<b>115,25</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	120.500	88.906	73,78	129,45
4	Thuế thu nhập cá nhân	27.000	23.130	85,67	113,49
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	67.000	53.039	79,16	99,46
7	Thu phí, lệ phí	5.800	4.157	71,67	108,65
8	Các khoản thu về nhà, đất	27.800	37.434	134,65	126,06
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.800	2.090	116,11	134,15
-	Thu tiền sử dụng đất	25.000	34.828	139,31	126,59
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.000	516	51,60	82,56
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
9	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
10	Thu khác ngân sách	8.500	6.658	78,33	79,89
11	Thu khác tại xã (bao gồm: Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác)	3.400	2.877	84,62	85,70
<b>II</b>	<b>Các khoản thu quản lý qua ngân sách</b>				
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>269.050</b>	<b>223.591</b>	<b>83,10</b>	<b>119,45</b>
1	Từ các khoản thu phân chia	248.720	181.589	73,01	121,47
2	Các khoản thu ngân sách huyện được hưởng 100%	20.330	42.002	206,60	111,44

## THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

Đơn vị: Triệu đồng



STT	NỘI DUNG	Dự toán năm	Thực hiện 9 tháng đầu năm 2019	So sánh thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>413.070</b>	<b>350.809</b>	<b>84,93</b>	<b>97,80</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN</b>	<b>413.070</b>	<b>341.994</b>	<b>82,79</b>	<b>96,89</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>45.090</b>	<b>91.488</b>	<b>202,90</b>	<b>78,12</b>
1	Chi đầu tư cho các dự án	45.090	91.488	202,90	78,12
2	Chi đầu tư phát triển khác				
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>359.210</b>	<b>250.506</b>	<b>69,74</b>	<b>106,21</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	205.260	143.293	69,81	105,11
2	Chi khoa học và công nghệ	130	6	4,62	100,00
3	Chi y tế, dân số và gia đình	3.520	2.381	67,64	107,79
4	Chi văn hóa thông tin	2.437	1.621	66,52	145,25
5	Chi phát thanh, truyền hình	570	350	61,40	61,19
6	Chi thể dục thể thao	717	447	62,34	77,87
7	Chi bảo vệ môi trường	15.940	10.308	64,67	93,63
8	Chi hoạt động kinh tế	25.139	9.744	38,76	100,81
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý hành chính, đảng, đoàn thể	58.484	43.243	73,94	107,53
10	Chi bảo đảm xã hội	25.590	19.358	75,65	107,71
11	Chi quốc phòng-an ninh	19.802	16.181	81,71	123,97
12	Chi khác	1.621	2.651	163,54	132,55
13	Tạm chi chưa đưa vào cân đối NSNN		923		80,96
<b>III</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>7.780</b>			
<b>IV</b>	<b>Chi hoàn trả ngân sách cấp trên</b>				
<b>V</b>	<b>Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương</b>	<b>990</b>			
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>		<b>8.815</b>		
1	Chương trình mục tiêu quốc gia		8.815		
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				